

Số: /KH-UBND

Vĩnh Thủy, ngày tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động số 4668/CTHD-UBND
ngày 24/9/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU
của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững giai đoạn
2026 - 2035 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy**

Thực hiện Chương trình hành động số 4668/CTHD-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 4668/CTHD-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trên địa bàn xã với các nội dung trọng tâm như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt sâu sắc các mục tiêu, nhiệm vụ tại Chương trình hành động số 4668/CTHD-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh ủy; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân xã Vĩnh Thủy.

Cụ thể hóa thành các chương trình, đề án sát hợp với thực tiễn địa phương; Nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền địa phương hai cấp; siết chặt kỷ luật hành chính; lấy kết quả xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo làm căn cứ đánh giá thi đua của các cơ quan, đơn vị hằng năm.

2. Yêu cầu

Bám sát định hướng chỉ đạo của tỉnh và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của Hội đồng nhân dân xã. Nhiệm vụ đề ra phải được lượng hóa cụ thể, xác định rõ cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian và sản phẩm hoàn thành theo nguyên tắc "rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ sản phẩm và rõ kết quả".

Chủ động lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng chính sách và nguồn đóng góp hợp pháp của Nhân dân; thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí và tiêu cực trong quản lý đầu tư xây dựng.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, nguồn lực lao động và không gian phát triển của xã; đẩy mạnh chuyển đổi số, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa, nhân rộng cánh đồng lớn,

phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn và thương hiệu sản phẩm OCOP. Tập trung hoàn thiện hạ tầng thiết yếu thích ứng với thiên tai lũ lụt vùng rón lũ; bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo đa chiều bao trùm, giữ vững quốc phòng - an ninh; quyết tâm xây dựng xã Vĩnh Thủy đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2028, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2030 và định hướng phát triển nông thôn mới kiểu mẫu, thông minh, bền vững trong giai đoạn 2031 - 2035.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

a) Giai đoạn đến năm 2030:

Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm bình quân đạt 10,6%/năm (nông nghiệp tăng 3,8%/năm). Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp chiếm khoảng 50,4%; ngành nghề, thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng chiếm 49,6%. Thu nhập bình quân đầu người hằng năm tăng 5 - 7%, đến năm 2030 đạt 75 - 80 triệu đồng/người/năm. Thu ngân sách nhà nước tăng 7 - 9%/nhiệm kỳ, đến năm 2030 đạt khoảng 27,74 tỷ đồng.

Giữ vững 11/11 thôn đạt chuẩn thôn NTM; năm 2028 xã đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2030 đạt chuẩn xã NTM nâng cao; xây dựng 01 - 02 thôn NTM thông minh. Duy trì 3.580 ha lúa 2 vụ, năng suất 58 - 60 tạ/ha/năm, sản lượng lương thực 21.000 - 22.000 tấn/năm. Đồn điền đổi thửa vùng lúa chất lượng cao lũy kế đạt 440 ha; phát triển 200 ha lúa hữu cơ; duy trì 50 - 60 mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn có liên kết. Duy trì 1.093,3 ha cây cao su; tổng đàn gia súc gia cầm trên 153.000 con/năm (lợn hữu cơ chiếm 1%). Duy trì 181 ha nuôi cá (sản lượng 420 tấn/năm) và 193,39 ha nuôi tôm (sản lượng 394 tấn/năm, nuôi công nghệ cao 2 - 3 giai đoạn). Hằng năm phát triển 01 - 02 sản phẩm OCOP mới, nâng hạng 01 sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao; quản lý vững chắc 05 sản phẩm OCOP hiện có.

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm hằng năm, đến năm 2030 giảm xuống dưới 0,5%. Hằng năm tạo việc làm mới cho trên 300 lao động; đưa trên 90 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80 - 85% (có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 60%). Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 98%; tỷ lệ tham gia BHXH tự nguyện đạt 30 - 40% lực lượng lao động. Duy trì 7/7 trường học đạt chuẩn quốc gia (ít nhất 01 trường mức độ 2); duy trì xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 0,8%.

Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,8% (nước sạch tập trung đạt 80%). Thu gom rác sinh hoạt hộ gia đình duy trì 100%, tỷ lệ chất thải rắn được xử lý đạt 90%. Tỷ lệ tưới tiêu chủ động cho nông nghiệp đạt 98%. Tỷ trọng kinh tế số trong tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã đạt khoảng 25%; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 80%.

b) Định hướng đến năm 2035:

Thu nhập bình quân đầu người đạt 100 - 105 triệu đồng/người/năm. Cơ bản không còn hộ nghèo đa chiều. Toàn xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và thông minh; 100% các thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu; kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và nền tảng số đồng bộ, hiện đại.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân

Tổ chức quán triệt sâu rộng Chương trình hành động số 4668/CTHD-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh ủy qua hệ thống truyền thanh, Trang thông tin điện tử và sinh hoạt chuyên đề tại khu dân cư. Phát huy vai trò chủ thể của người dân theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng". Khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; biểu dương kịp thời các mô hình kinh tế hiệu quả, gương thoát nghèo tiêu biểu. Triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" nhằm phổ cập kỹ năng số cộng đồng.

2. Phát triển kinh tế nông thôn, cơ cấu lại ngành nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn và Chương trình OCOP

Thực hiện Đề án dồn điền đổi thửa vùng lúa chất lượng cao (100 ha/năm giai đoạn 2027 - 2030); đưa vào sản xuất các bộ giống lúa thuần thích ứng ứng ngập; mở rộng 200 ha lúa hữu cơ gắn với mô hình nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp. Chuyển đổi cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng an toàn sinh học, nhân rộng chăn nuôi lợn hữu cơ sử dụng độn lót sinh học, kiểm soát dịch bệnh. Đầu tư hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao 2 - 3 giai đoạn ven sông Bến Hải (193,39 ha); giữ ổn định 181 ha nuôi cá kết hợp mô hình cá - lúa. Triển khai Kế hoạch OCOP số 1716/KH-UBND; giữ vững uy tín 05 sản phẩm hiện có (Gạo hữu cơ Vĩnh Lâm, Nấm Linh chi đỏ Linh Dương Vĩnh Sơn, Hương Thảo Mộc, Thanh long ruột đỏ Vĩnh Thủy, Bánh tráng Thanh Mùi); hỗ trợ cấp mã vùng trồng, dán tem truy xuất nguồn gốc và đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

3. Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng thích ứng thiên tai

Lồng ghép nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh, ngân sách xã và nguồn thu đầu giá đất (khu dân cư thôn Tiên Mỹ 1) để đầu tư hạ tầng dân sinh bức thiết. Tập trung bê tông hóa 45 km đường giao thông nông thôn và nội đồng; nâng cấp hệ thống kênh mương, trạm bơm điện, hồ Cây Mã và các cầu dân sinh xung yếu (cầu Phúc Lâm, cầu Trạng Nậy). Nâng cao năng lực tiêu úng vùng rốn lũ, kiên cố hóa đê bao ngăn mặn; nâng cấp nhà văn hóa thôn kết hợp làm điểm tránh trú bão lũ an toàn. Phối hợp thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng tuyến Đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

4. Thực hiện toàn diện chính sách giảm nghèo đa chiều, giải quyết việc làm và an sinh xã hội

Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm bảo đảm công khai, chính xác; phân loại nguyên nhân nghèo để hỗ trợ sinh kế sát thực tế. Phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội đáp ứng 100% nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất của hộ nghèo, cận nghèo. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với chuỗi OCOP và nhu cầu doanh nghiệp; đẩy mạnh xuất khẩu lao động có thời hạn. Thực hiện đúng, đủ chính sách người có công, bảo trợ xã hội; triển khai chi trả an

sinh qua tài khoản VNeID. Vận động người dân duy trì tỷ lệ tham gia BHYT trên 98% và mở rộng BHXH tự nguyện; thực hiện hiệu quả chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo vệ tài nguyên môi trường và xây dựng nông thôn xanh, thông minh

Triển khai nghiêm túc Kế hoạch Chuyển đổi số và Kế hoạch thực hiện Đề án 06 của xã. Xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, sử dụng chữ ký số cá nhân; làm sạch dữ liệu hộ nghèo, đất đai, dân cư theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống". Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng tại 11 thôn; xây dựng điểm 01 - 02 mô hình thôn NTM thông minh. Siết chặt quản lý đất đai, khoáng sản; xử lý dứt điểm các vướng mắc đo đạc, lấn chiếm đất công. Duy trì thu gom 100% rác sinh hoạt, xử lý 90% chất thải rắn; xử lý nghiêm ô nhiễm từ các trại chăn nuôi, bảo vệ nguồn nước sông Sa Lung và sông Bến Hải; duy trì phong trào "Ngày Chủ nhật xanh".

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp, phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số trong sản xuất, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương

6. Nâng cao hiệu lực quản trị địa phương; củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh cơ sở

Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân xã theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính. Nâng cao chất lượng phục vụ của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã; công khai thủ tục hành chính bằng mã QR code; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đẩy mạnh số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu. Thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã; giải quyết dứt điểm đơn thư ngay từ cơ sở. Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân hằng năm. Lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc địa bàn nông thôn; mở các đợt tấn công trấn áp tội phạm; quyết tâm xây dựng xã đạt tiêu chí "Xã không có ma túy" vào năm 2030, bảo đảm an ninh trật tự cơ sở.

7. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; tập trung kiểm tra tiến độ thực hiện, giải ngân, quản lý và sử dụng các nguồn lực. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời xác định nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đối với nhiệm vụ chậm tiến độ, không đạt yêu cầu; đề xuất biện pháp khắc phục và xử lý theo quy định. Tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

2. Nguồn vốn ngân sách xã bố trí chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp hằng năm; nguồn thu tiền đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn.

3. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, vốn vay tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Nguồn vốn huy động hợp pháp từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và đóng góp tự nguyện của Nhân dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm chỉ đạo, điều hành chung

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trực tiếp lãnh đạo toàn diện việc tổ chức thực hiện Kế hoạch. Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã theo lĩnh vực phụ trách trực tiếp kiểm tra, đôn đốc các ngành, các thôn triển khai nhiệm vụ.

2. Phân công trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

* **Phòng Kinh tế xã:** là cơ quan đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức triển khai, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn, triển khai các mục tiêu: Xây dựng NTM nâng cao, dồn điền đổi thửa vùng lúa hữu cơ, phát triển chăn nuôi an toàn, vùng nuôi tôm công nghệ cao, quản lý đất đai, tiêu thoát lũ và đầu tư hạ tầng nông thôn. Tham mưu phân bổ, lồng ghép các nguồn lực; hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng nguồn vốn theo quy định. Tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trước ngày 05/12 hằng năm.

* **Phòng Văn hóa - Xã hội xã:** Chủ trì tham mưu các giải pháp: Giảm nghèo đa chiều, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, thực hiện chính sách bảo trợ xã hội và an sinh xã hội. Hướng dẫn các tiêu chí NTM về giáo dục, y tế, văn hóa; duy trì tỷ lệ BHYT trên 98% và mở rộng BHXH tự nguyện; triển khai phong trào "Bình dân học vụ số".

*** Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã:**

Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; phối hợp chuẩn bị nội dung các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết; phối hợp tổng hợp, tham mưu báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ.

* **Ban Chỉ huy Quân sự xã và Công an xã:** Ban CHQS xã duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; chuẩn bị phương tiện tham gia phòng chống thiên tai tại vùng rốn lũ. Công an xã nắm chắc địa bàn nông thôn; đấu tranh phòng chống tội phạm; thực hiện mục tiêu "Xã không có ma túy" vào năm 2030; đẩy mạnh thực hiện Đề án 06.

* **Trung tâm Phục vụ hành chính công xã:** Thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đẩy mạnh số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu số hóa.

* **Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã:** Hướng dẫn hồ sơ đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP, xúc tiến thương mại nông sản; triển khai thu gom, xử lý rác sinh hoạt, phân loại rác tại nguồn; tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã.

* **Trạm Y tế xã:** Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, kiểm soát dịch bệnh; duy trì Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất và chủ thể OCOP.

* **Ban điều hành các thôn:** Tuyên truyền Nhân dân tham gia xây dựng NTM, hiến đất làm đường và công trình phúc lợi; giữ vững tiêu chí Thôn NTM kiểu mẫu; bình xét hộ nghèo, cận nghèo công khai, minh bạch.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã

Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; tăng cường giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư và thực hiện chính sách giảm nghèo tại cơ sở.

4. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, thôn gửi báo cáo về Phòng Kinh tế trước ngày 25/11 hằng năm; Phòng Kinh tế chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15/12 theo quy định.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, Ban điều hành các thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân xã để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo đúng thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Trị (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (để b/c);
- Thường trực HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Công an xã, Ban CHQS xã;
- Trung tâm PVHCC, Trung tâm DVTH;
- Trạm Y tế xã;
- Ban Điều hành các thôn trên địa bàn xã;
- Các Hợp tác xã trên địa bàn;
- Lưu: VT, VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Nam Sơn